

KẾ HOẠCH

Thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận

Thực hiện Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận xây dựng kế hoạch chuẩn bị và thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Kiểm kê đất đai năm 2024 nhằm lượng hóa thực trạng tình hình quản lý, sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các xã, thị trấn, của huyện, các vùng kinh tế - xã hội và cả nước, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đai của các cấp và đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; cung cấp chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; phục vụ nhu cầu thông tin đất đai cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo, các nhu cầu khác của Nhà nước, của xã hội, làm cơ sở cho việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh và của các cấp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045.

2. Yêu cầu

- Việc kiểm kê đất đai năm 2024 phải được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, chính xác, đúng quy định của pháp luật về đất đai; đảm bảo các nguyên tắc được quy định tại Điều 56 Luật đất đai ngày 18/01/2024, trung thực, khách quan, chính xác, kịp thời, phản ánh đầy đủ và đúng thực tế hiện trạng sử dụng đất, cơ cấu sử dụng đất đai.

- Ủy ban nhân dân các cấp (huyện, cấp xã) phải chuẩn bị tốt các nguồn lực để thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

- Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cần phải được tổ chức thực hiện một cách chặt chẽ, khắc phục những tồn tại, hạn chế của các kỳ kiểm kê trước đây; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải phối hợp tốt trong cung cấp thông tin phục vụ cho công tác kiểm kê đất đai.

II. PHẠM VI, CHỈ TIÊU KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI

1. Phạm vi kiểm kê đất đai năm 2024

- Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024, kiểm kê đất đai chuyên đề được tiến hành trong phạm vi toàn huyện, trong đó xã, thị trấn là đơn vị cơ bản thực hiện kiểm kê đất đai. Kết quả kiểm kê đất đai của các xã, thị trấn là cơ sở để tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp huyện.

- Kiểm kê đất đai sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì xây dựng và thực hiện; UBND huyện phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

2. Chỉ tiêu kiểm kê đất đai

- Đối tượng thực hiện năm 2024 gồm: Diện tích các loại đất, các loại đối tượng sử dụng, đối tượng được giao để quản lý; đồng thời trong kỳ kiểm kê đất đai này sẽ thực hiện đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng khu vực đất sạt lở, bồi đắp; đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường và các chuyên đề khác tại các địa phương làm cơ sở để thực hiện các biện pháp tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đối với các loại đất này.

- Kiểm kê đất đai năm 2024 thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất (sau đây gọi là *Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT*),

- Chỉ tiêu thống kê, kiểm kê đất đai là diện tích của từng loại đất, đối tượng sử dụng đất và đối tượng được giao quản lý đất được xác định như sau:

+ Đối với kiểm kê đất đai thì diện tích của từng loại đất, đối tượng sử dụng đất và đối tượng được giao quản lý đất được xác định trên cơ sở hồ sơ địa chính và rà soát thực tế hiện trạng đang quản lý, sử dụng đất trong kỳ kiểm kê đất đai.

+ Loại đất khi kiểm kê đất đai thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai, các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP. Việc xác định loại đất quy định tại khoản này được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật Đất đai và Điều 7 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP. Trường hợp đất được sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 Luật Đất đai thì thống kê, kiểm kê đất đai theo loại đất chính.

+ Đối tượng sử dụng đất khi thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai là người sử dụng đất quy định tại Điều 4 Luật Đất đai.

+ Đối tượng được giao quản lý đất khi thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với đất được giao quản lý quy định tại Điều 7 Luật Đất đai.

- Kiểm kê đất đai chuyên đề: Tình hình quản lý, sử dụng đất khu vực sạt lở, bồi đắp theo Công văn số 6237/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 16/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kiểm kê đất đai 2024.

III. NỘI DUNG CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kiểm kê đất đai năm 2024

1.1. Kiểm kê đất đai các xã, thị trấn

(1) Công tác chuẩn bị

- Xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai trên địa bàn các xã, thị trấn.
- Phổ biến, quán triệt nhiệm vụ đến các cán bộ và tuyên truyền cho người dân về kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai.

- Đánh giá thực trạng nguồn lực, thiết bị kỹ thuật; phân công trách nhiệm và sự phối hợp giữa các lực lượng liên quan của các xã, thị trấn để thực hiện đảm bảo về nội dung và thời gian theo quy định.

- Thu thập các hồ sơ, tài liệu, bản đồ, số liệu liên quan đến biến động đất đai trong kỳ kiểm kê đất đai trên địa bàn các xã, thị trấn, hồ sơ kết quả kiểm kê đất đai kỳ trước và kết quả thống kê đất đai hằng năm trong kỳ kiểm kê đất đai của các xã, thị trấn; rà soát cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có); tiếp nhận Danh sách các trường hợp biến động trong năm thống kê đất đai và kỳ kiểm kê đất đai tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT do cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến.

- Xác định phạm vi kiểm kê đất đai ở cấp xã theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

(2) Rà soát, đối chiếu, lựa chọn các tài liệu, số liệu, bản đồ thu thập để sử dụng cho lập bản đồ kiểm kê đất đai

- Đối với các xã, thị trấn đã có cơ sở dữ liệu đất đai được xây dựng sau thời điểm lập bản đồ kiểm kê đất đai kỳ trước mà đang được vận hành thì sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai để thực hiện lập bản đồ kiểm kê đất đai.

- Đối với các xã, thị trấn chưa có cơ sở dữ liệu đất đai nhưng đã có bản đồ địa chính thành lập sau thời điểm lập bản đồ kiểm kê đất đai kỳ trước thì sử dụng bản đồ địa chính để thực hiện lập bản đồ kiểm kê đất đai.

- Đối với các xã, thị trấn có bản đồ kiểm kê đất đai kỳ trước được lập từ bản đồ địa chính nhưng tại thời điểm kiểm kê đất đai chưa xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thì sử dụng bản đồ kiểm kê đất đai kỳ trước.

- Đối với các xã, thị trấn có bản đồ kiểm kê đất đai kỳ trước chưa được lập từ bản đồ địa chính và không có các nguồn tài liệu thì sử dụng các nguồn tài liệu sau (nếu có): Bình đồ ảnh mới thành lập trước thời điểm kiểm kê không quá 02 năm đã được nắn chỉnh về cơ sở toán học của bản đồ kiểm kê đất đai cần lập theo quy định; dữ liệu không gian đất đai nền; cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia; hệ thống bản đồ địa hình quốc gia mới thành lập sau kỳ kiểm kê đất đai gần nhất có tỷ lệ lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ bản đồ kiểm kê đất đai đã lập kỳ trước để lập bản đồ kiểm kê đất đai.

(3) In tài liệu phục vụ cho kiểm kê đất đai.

(4) Điều tra, rà soát, cập nhật, chỉnh lý các biến động đất đai trong kỳ

kiểm kê

- Rà soát các trường hợp thay đổi về loại đất, đối tượng sử dụng đất, đối tượng được giao quản lý đất tại danh sách các trường hợp biến động trong kỳ kiểm kê đất đai do cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến; cập nhật thông tin trước và sau biến động của khoanh đất vào Danh sách các trường hợp biến động trong năm thống kê đất đai và kỳ kiểm kê đất đai tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

- Rà soát khoanh vẽ nội nghiệp phục vụ lập bản đồ kiểm kê đất đai; tài liệu sử dụng cho điều tra kiểm kê đối với các trường hợp có biến động đã thực hiện thủ tục hành chính về đất đai và biên tập tổng hợp các thửa đất thành các khoanh đất theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT; in bản đồ kiểm kê đất đai phục vụ điều tra khoanh vẽ ngoại nghiệp.

- Điều tra đối soát ngoài thực địa, xác định ranh giới các khoanh đất theo loại đất, đối tượng sử dụng đất, đối tượng được giao quản lý đất.

- Chuyển vẽ, xử lý tiếp biên, đóng vùng các khoanh đất và cập nhật thông tin loại đất, đối tượng sử dụng đất, đối tượng được giao quản lý đất lên bản đồ kiểm kê đất đai dạng số từ kết quả điều tra thực địa theo chỉ tiêu kiểm kê chi tiết.

- Chuyển vẽ, xử lý tiếp biên, đóng vùng các khoanh đất sau khi đã thực hiện theo quy định để biên tập, lập bản đồ kiểm kê đất đai theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

- Lập Danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

(5) *Xử lý, tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai của cấp xã, lập các biểu quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều 5 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.*

(6) *Xây dựng báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất với nội dung chính*

- Khái quát về tình hình quản lý đất đai của địa phương.

- Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất trong các nhóm đất (nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng).

- Hiện trạng sử dụng đất theo đối tượng sử dụng đất và đối tượng được giao quản lý đất.

- So sánh, phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất của kỳ kiểm kê đất đai với kỳ kiểm kê đất đai liền trước.

(7) *Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã và xây dựng báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo quy định tại các Điều 16, 17, 18 và 19 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.*

(8) *Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai cấp xã với nội dung chính*

- Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; tình hình tổ chức thực hiện, phương pháp điều tra, thu thập số liệu kiểm kê đất đai, nguồn gốc số liệu

thu thập tại cấp xã và đánh giá độ tin cậy của số liệu thu thập.

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo các chỉ tiêu kiểm kê đất đai; phân tích nguyên nhân biến động về sử dụng đất của năm kiểm kê đất đai với số liệu của 02 kỳ kiểm kê đất đai gần nhất.

- Đánh giá tình hình chưa thống nhất về đường địa giới đơn vị hành chính thực hiện trong kỳ kiểm kê đất đai (nếu có).

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất.

(9) *Kiểm tra, nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai của các xã, thị trấn.*

(10) *Hoàn thiện, phê duyệt kết quả kiểm kê đất đai của các xã, thị trấn.*

(11) *In sao và giao nộp kết quả kiểm kê đất đai theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 23 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.*

1.2. Kiểm kê đất đai cấp huyện

(1) Công tác chuẩn bị

- Xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai trên địa bàn cấp huyện.

- Xây dựng văn bản chỉ đạo, đôn đốc thực hiện kiểm kê đất đai.

- Phổ biến, quán triệt nhiệm vụ đến các phòng, ngành chuyên môn cấp huyện và UBND các xã, thị trấn về kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai.

- Đánh giá thực trạng nguồn lực, thiết bị kỹ thuật; phân công trách nhiệm và sự phối hợp giữa các đơn vị liên quan của cấp huyện để thực hiện đảm bảo về nội dung và thời gian theo quy định.

- Thu thập các hồ sơ, tài liệu, bản đồ, số liệu liên quan đến biến động đất đai trong kỳ kiểm kê đất đai trên địa bàn cấp huyện, hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, hồ sơ địa giới đơn vị hành chính cấp huyện; hồ sơ kết quả kiểm kê đất đai kỳ trước, kết quả thống kê đất đai hằng năm trong kỳ kiểm kê đất đai của cấp huyện và các tài liệu khác có liên quan.

- Xác định phạm vi kiểm kê đất đai ở cấp huyện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

- Phân loại, đánh giá và lựa chọn các hồ sơ, tài liệu, bản đồ, số liệu thu thập.

(2) *Rà soát, tổng hợp các biến động đất đai trong kỳ kiểm kê đối với các trường hợp có biến động về loại đất, đối tượng sử dụng đất, đối tượng được giao quản lý đất đã thực hiện thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất trong kỳ kiểm kê đất đai đối với cá nhân và cộng đồng dân cư vào Danh sách các trường hợp biến động trong năm thống kê đất đai và kỳ kiểm kê đất đai tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT để gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, trừ các đơn vị cấp xã đã xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai sử dụng đồng bộ ở các cấp.*

(3) *In tài liệu phục vụ cho kiểm kê đất đai.*

(4) *Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong*

quá trình tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai của các xã, thị trấn.

(5) Tiếp nhận kết quả kiểm kê đất đai của các xã, thị trấn

- Rà soát, kiểm tra kết quả kiểm kê đất đai của các xã, thị trấn về tính đầy đủ và nội dung kiểm kê đất đai theo quy định.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn chỉnh sửa, hoàn thiện số liệu, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai (nếu có).

(6) Xử lý, tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai của cấp huyện, lập các biểu quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 5 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT và xây dựng báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

(7) Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và xây dựng báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện theo quy định tại các điều 16, 17, 18 và 19 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

(8) Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai cấp huyện với nội dung chính:

- Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; tình hình tổ chức thực hiện, nguồn số liệu, tài liệu sử dụng để tổng hợp kiểm kê đất đai tại cấp huyện và đánh giá độ tin cậy của tài liệu, số liệu thu thập.

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất 05 năm của cấp huyện; phân tích nguyên nhân biến động của năm kiểm kê đất đai với số liệu của 02 kỳ kiểm kê đất đai gần nhất.

- Đánh giá tình hình chưa thống nhất về đường địa giới đơn vị hành chính thực hiện trong kỳ kiểm kê đất đai (nếu có).

- Đề xuất, kiến nghị biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất.

(9) Kiểm tra, nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai của cấp huyện.

(10) Hoàn thiện, phê duyệt kết quả kiểm kê đất đai của cấp huyện.

(11) In sao và giao nộp kết quả kiểm kê đất đai theo quy định tại khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 23 Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

2. Kiểm kê đất đai chuyên đề

Kiểm kê đất đai chuyên đề thực hiện theo Công văn số 6237/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 16/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được thực hiện ở tất cả cấp đơn vị hành chính đồng thời gắn với kiểm kê đất đai năm 2024, kết quả kiểm kê đất đai chuyên đề cấp xã là cơ sở để tổng hợp thực hiện kiểm kê đất đai chuyên đề cấp huyện.

- Kiểm kê đất đai chuyên đề về tình hình quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc nông, lâm trường sẽ thực hiện kiểm kê toàn bộ diện tích đất của các công ty nông, lâm nghiệp đang quản lý, sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn cấp huyện và được tổng hợp vào Phụ lục 02 theo các biểu 01a/KKNLT, 01b/KKNLT, 01b/KKNLT và 02/KKNLT.

- Kiểm kê đất đai chuyên đề về tình hình đất khu vực sạt lở, bồi đắp trong 05 năm (2020-2024), bao gồm: Diện tích bị sạt lở (khu vực bờ sông), diện tích bồi đắp (khu vực bờ sông) theo các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai năm 2024 và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2024 và được tổng hợp vào Phụ lục 02 theo các biểu 01/KKSL và 02/KKSL.

IV. THỜI GIAN VÀ HỒ SƠ GIAO NỘP KẾT QUẢ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI

1. Thời gian thực hiện, giao nộp kết quả kiểm kê đất đai 2024 và kiểm kê đất đai chuyên đề

- Thời gian các xã, thị trấn giao nộp cấp huyện: Trước ngày 16/3/2025.
- Thời gian cấp huyện giao nộp cấp tỉnh: Trước ngày 01/4/2025.

2. Hồ sơ giao nộp kết quả kiểm kê đất đai 2024 và kiểm kê đất đai chuyên đề

2.1. Hồ sơ giao nộp kết quả kiểm kê đất đai 2024

- Hồ sơ các xã, thị trấn giao nộp cấp huyện: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư 08/2024/TT-BTNMT.

- Hồ sơ cấp huyện giao nộp cấp tỉnh: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư 08/2024/TT-BTNMT.

2.2. Hồ sơ giao nộp kết quả kiểm kê đất đai chuyên đề

Thực hiện theo Công văn số 6237/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 16/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kiểm kê đất đai năm 2024.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- Việc kiểm kê đất đai năm 2024 đối với diện tích các loại đất theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai, các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP và đối tượng đang quản lý, sử dụng đất quy định tại Điều 4, Điều 7 của Luật Đất đai năm 2024 được thực hiện trên cơ sở tài liệu, dữ liệu đất đai hiện có, kết hợp với điều tra thực tế, khoanh vẽ, chỉnh lý lên bản đồ đối với các trường hợp biến động trong kỳ kiểm kê đất đai (từ năm 2020 đến hết năm 2024) và tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai năm 2024.

- Việc kiểm kê đất đai chuyên đề về tình hình quản lý, sử dụng đất sân gôn; cảng hàng không, sân bay; khu vực sạt lở, bồi đắp; đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường theo Công văn số 6237/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 16/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được thực hiện bằng phương pháp điều tra trực tiếp, tổng hợp số liệu kê khai và các phương pháp khác có liên quan để tổng hợp, báo cáo.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ trong quá trình thực hiện; đặc biệt coi trọng việc kiểm tra nghiệm thu kết quả thực hiện của tất cả các công đoạn ở các cấp, nhất là việc thực hiện ở cấp xã để bảo đảm yêu cầu chất lượng và tính trung thực của số liệu kiểm kê đất đai năm 2024.



- Các xã, thị trấn căn cứ vào yêu cầu công việc và điều kiện thực tế để huy động lực lượng chuyên môn phù hợp hiện có của các cơ quan, đơn vị ở các cấp cùng tham gia thực hiện nhằm bảo đảm chất lượng và thời gian theo quy định; trường hợp thiếu nhân lực thì thuê các tổ chức ngoài công lập có chuyên môn phù hợp để thực hiện.

- Đơn vị, cá nhân trực tiếp thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất có trách nhiệm tự kiểm tra kết quả trong suốt quá trình thực hiện và sau khi hoàn thành mỗi sản phẩm.

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn kiểm tra và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện của cấp mình trước khi phê duyệt.

- Phòng Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra kết quả thống kê, kiểm kê đất đai của các xã, thị trấn tự kiểm tra và trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kết quả thống kê, kiểm kê đất đai cấp huyện.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 do ngân sách nhà nước bảo đảm của từng cấp (cấp huyện, cấp xã) thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

1. Phòng Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trong công tác chuẩn bị, tổ chức và chỉ đạo thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 đối với các nội dung công việc của cấp huyện theo kế hoạch này.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban chỉ đạo và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện thành phần gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban; Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường làm Phó Trưởng ban; Thành viên gồm các ngành như: Tài chính - Kế hoạch; Nông nghiệp và Môi trường; Nội vụ; Giáo dục và Đào tạo; Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Chi cục Thống kê; Quân sự; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Chủ tịch UBND xã, thị trấn.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024, trình UBND cấp huyện ban hành; chủ trì cùng các ban, ngành có liên quan đôn đốc, chỉ đạo thực hiện kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn và tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai năm 2024 báo cáo theo quy định; tham mưu UBND huyện chọn đơn vị tư vấn đúng theo quy định và có đủ năng lực để triển khai thực hiện công tác kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của cấp xã, cấp huyện.

- Chuẩn bị nhân lực, thiết bị kỹ thuật, tài chính theo quy định để phục vụ cho kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024.

- Phổ biến, quán triệt nhiệm vụ đến các ngành, các cấp và tuyên truyền cho người dân về chủ trương, kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai; rà soát phạm vi địa giới hành chính; xác định các trường hợp đang có tranh chấp địa giới hoặc không thống nhất giữa hồ sơ địa giới với thực địa để làm việc với các địa phương liên quan để thống nhất xác định phạm vi kiểm kê và chỉ đạo cấp xã thực hiện.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai đảm bảo chất lượng và tiến độ theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch xem xét thẩm định dự toán kinh phí và bố trí kinh phí phục vụ công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí cho kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các xã, thị trấn.

3. Phòng Nội vụ có trách nhiệm phối hợp cung cấp hồ sơ địa giới hành chính để phục vụ cho công tác kiểm kê đất đai; báo cáo các trường hợp chia tách, sát nhập, thay đổi địa giới hành chính sau năm 2019 (nếu có) đến trước ngày 31/12/2024; chủ trì, phối hợp với UBND các xã, thị trấn chỉ đạo rà soát, xác định và chỉ đạo giải quyết khu vực còn đang tranh chấp địa giới hành chính các cấp, làm cơ sở pháp lý cho kiểm kê đất đai.

4. Ban Chỉ huy Quân sự huyện phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện rà soát, kiểm kê quỹ đất quốc phòng, đất an ninh đang quản lý sử dụng để thống nhất số liệu phục vụ yêu cầu tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện.

5. Các cơ quan, ban, ngành huyện có trách nhiệm:

- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Nông nghiệp và Môi trường, cử cán bộ tham gia công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Cung cấp đôi với các thông tin, tài liệu, hồ sơ có liên quan đến việc sử dụng đất đai do ngành quản lý theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo kiểm kê đất đai;

- Thống nhất số liệu, tham gia ý kiến xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2024.

6. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Thành lập Tổ Chỉ đạo công tác để thực hiện kiểm kê đất đai do Chủ tịch UBND cấp xã làm Tổ trưởng, công chức địa chính làm Tổ phó cùng các ban, ngành có liên quan để giúp Ủy ban nhân dân xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện công tác kiểm kê đất đai năm 2024; tập trung huy động lực lượng, tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất bảo đảm chất lượng, hoàn thành việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các xã, thị trấn **trước ngày 16/3/2025**.

7. Các cá nhân, tổ chức quản lý, sử dụng đất khu vực sạt lở, bồi đắp có trách nhiệm kê khai, cung cấp hồ sơ, phối hợp với cơ quan chức năng bảo đảm thực hiện kiểm kê chuyên đề đúng theo theo Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 6237/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ kế hoạch này, UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của đơn vị mình, đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định. Tuyên truyền, phổ biến về kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Các cơ quan, ban, ngành cấp huyện và UBND các xã, thị trấn chuẩn bị nhân lực, vật tư, kỹ thuật, thiết bị, tài liệu chuyên môn để phục vụ tốt cho kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp) để giải quyết.

3. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch này và tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường đúng thời gian theo quy định. /

Nơi nhận:

- Sở NN&MT;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT và PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- LĐVP, CVNC;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH
PHỤ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đức